

Số: /NQ-HĐND *Quảng Nam, ngày tháng năm 2019*

“Dự thảo”

NGHỊ QUYẾT

Về bổ sung danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 12 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị bổ sung danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2019 của các huyện, thị xã, thành phố; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất bổ sung danh mục dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2019.

- Tổng số 175 danh mục (Sử dụng vốn ngân sách 142 danh mục; sử dụng vốn ngoài ngân sách 33 danh mục).

- Tổng diện tích đề nghị thu hồi là 684,35 ha (Sử dụng vốn ngân sách 450,65 ha; sử dụng vốn ngoài ngân sách 233,70 ha), trong đó: Tổng diện tích thu hồi đất lúa, rừng phòng hộ 87,05 ha, gồm: Đất chuyên trồng lúa nước 71,81 ha; Đất trồng lúa nước còn lại 4,51 ha; Đất rừng phòng hộ 10,73 ha.

Đơn vị tính: ha

TT	Danh mục dự án, công trình thu hồi đất năm 2019	Số lượng danh mục	Diện tích công trình	Sử dụng đất nông nghiệp				
				Tổng	Trong đó			
					LUC	LUK	RPH	RDD
TỔNG CỘNG		175	684.35	87.05	71.81	4.51	10.73	-
<i>Sử dụng vốn ngân sách</i>		<i>142</i>	<i>450.65</i>	<i>63.09</i>	<i>49.11</i>	<i>4.25</i>	<i>9.73</i>	<i>-</i>

	<i>Sử dụng vốn ngoài ngân sách</i>	33	233.70	23.96	22.70	0.26	1.00	-
1	HUYỆN PHÚ NINH	2	0.58	0.20	0.20	-	-	-
*	Vốn ngân sách	2	0.58	0.20	0.20	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	0	-	-	-	-	-	-
2	HUYỆN NÚI THÀNH	3	17.92	10.31	0.58	-	9.73	-
*	Vốn ngân sách	3	17.92	10.31	0.58	-	9.73	-
*	Vốn ngoài ngân sách	0	-	-	-	-	-	-
3	HUYỆN DUY XUYÊN	11	15.28	6.15	6.15	-	-	-
*	Vốn ngân sách	9	15.24	6.11	6.11	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	2	0.04	0.04	0.04	-	-	-
4	HUYỆN HIỆP ĐỨC	10	27.86	4.55	4.55	-	-	-
*	Vốn ngân sách	10	27.86	4.55	4.55	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	0	-	-	-	-	-	-
5	HUYỆN QUẾ SƠN	25	54.21	7.51	7.51	-	-	-
*	Vốn ngân sách	21	48.27	7.51	7.51	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	4	5.94	-	-	-	-	-
6	HUYỆN THĂNG BÌNH	15	73.49	14.63	14.63	-	-	-
*	Vốn ngân sách	12	72.09	14.12	14.12	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	3	1.40	0.51	0.51	-	-	-
7	THÀNH PHỐ HỘI AN	2	87.40	0.06	0.06	-	-	-
*	Vốn ngân sách	1	86.57	-	-	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	0.83	0.06	0.06	-	-	-
8	HUYỆN ĐÔNG GIANG	16	16.51	0.43	0.41	-	0.02	-
*	Vốn ngân sách	12	16.00	0.41	0.41	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	4	0.51	0.02	-	-	0.02	-
9	HUYỆN TIÊN PHƯỚC	3	33.98	5.54	1.44	4.10	-	-
*	Vốn ngân sách	3	4.38	5.54	1.44	4.10	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	0	29.60	-	-	-	-	-
10	HUYỆN TÂY GIANG	10	33.98	-	-	-	-	-
*	Vốn ngân sách	9	4.38	-	-	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	29.60	-	-	-	-	-
11	THỊ XÃ ĐIỆN BÀN	32	191.51	25.24	25.24	-	-	-

*	Vốn ngân sách	26	61.47	8.32	8.32	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	6	130.04	16.92	16.92	-	-	-
12	HUYỆN BẮC TRÀ MY	5	131.63	0.09	-	0.06	0.03	-
*	Vốn ngân sách	4	4.98	-	-	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	-	0.09	-	0.06	0.03	-
13	HUYỆN ĐẠI LỘC	5	126.65	0.75	0.75	-	-	-
*	Vốn ngân sách	5	23.25	0.75	0.75	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	0	-	-	-	-	-	-
14	HUYỆN PHƯỚC SƠN	13	103.40	-	-	-	-	-
*	Vốn ngân sách	12	25.52	-	-	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	10.50	-	-	-	-	-
15	THÀNH PHỐ TAM KỶ	15	67.38	6.61	6.46	0.15	-	-
*	Vốn ngân sách	11	42.14	5.27	5.12	0.15	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	4	24.24	1.34	1.34	-	-	-
16	HUYỆN NAM TRÀ MY	8	1.00	4.98	3.83	0.20	0.95	-
*	Vốn ngân sách	2	-	-	-	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	6	1.00	4.98	3.83	0.20	0.95	-

(Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)

2. Bổ sung danh mục chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2019.

Tổng số 86 danh mục (Sử dụng vốn ngân sách 57 danh mục; sử dụng vốn ngoài ngân sách 29 danh mục), tổng diện tích chuyển mục đích đất lúa, rừng phòng hộ 163,51 ha, gồm: Đất chuyên trồng lúa nước 98,40 ha; Đất trồng lúa nước còn lại 6,69 ha; Đất rừng phòng hộ 58,42 ha.

Đơn vị tính: ha

TT	Danh mục dự án, công trình thu hồi đất năm 2019	Số lượng danh mục	Diện tích công trình	Sử dụng đất nông nghiệp				
				Tổng	Trong đó			
					LUC	LUK	RPH	RDD
	TỔNG CỘNG	86	578.19	163.51	98.40	6.69	58.42	-
	<i>Sử dụng vốn ngân sách</i>	<i>57</i>	<i>336.10</i>	<i>96.99</i>	<i>55.01</i>	<i>4.25</i>	<i>37.73</i>	<i>-</i>
	<i>Sử dụng vốn ngoài ngân sách</i>	<i>29</i>	<i>242.10</i>	<i>66.52</i>	<i>43.39</i>	<i>2.44</i>	<i>20.69</i>	<i>-</i>
1	HUYỆN PHÚ NINH	2	1.95	1.80	1.80	-	-	-

*	Vốn ngân sách	1	0.35	0.20	0.20	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	1.60	1.60	1.60	-	-	-
2	HUYỆN NÚI THÀNH	2	11.03	10.31	0.58	-	9.73	-
*	Vốn ngân sách	2	11.03	10.31	0.58	-	9.73	-
*	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
3	HUYỆN DUY XUYÊN	7	10.72	6.75	6.75	-	-	-
*	Vốn ngân sách	5	9.99	6.12	6.12	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	2	0.73	0.63	0.63	-	-	-
4	HUYỆN HIỆP ĐỨC	6	26.04	4.01	4.01	-	-	-
*	Vốn ngân sách	6	26.04	4.01	4.01	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
5	HUYỆN QUẾ SƠN	17	103.33	46.57	18.57	-	28.00	-
*	Vốn ngân sách	15	102.53	46.07	18.07	-	28.00	-
*	Vốn ngoài ngân sách	2	0.80	0.50	0.50	-	-	-
6	HUYỆN THĂNG BÌNH	8	64.10	14.63	14.63	-	-	-
*	Vốn ngân sách	5	62.70	14.12	14.12	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	3	1.40	0.51	0.51	-	-	-
7	THÀNH PHỐ HỘI AN	3	54.96	9.87	9.87	-	-	-
*	Vốn ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	3	54.96	9.87	9.87	-	-	-
8	HUYỆN ĐÔNG GIANG	4	27.11	19.39	0.41	-	18.98	-
*	Vốn ngân sách	2	6.20	0.41	0.41	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	2	20.91	18.98	-	-	18.98	-
9	HUYỆN TIÊN PHƯỚC	4	45.14	5.64	1.49	4.15	-	-
*	Vốn ngân sách	3	41.04	5.54	1.44	4.10	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	1	4.10	0.10	0.05	0.05	-	-
10	THỊ XÃ ĐIỆN BÀN	15	123.80	32.81	32.81	-	-	-
*	Vốn ngân sách	9	47.05	7.90	7.90	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	6	76.75	24.91	24.91	-	-	-
11	HUYỆN BẮC TRÀ MY	1	0.25	0.25	0.25	-	-	-

*	Vốn ngân sách	1	0.25	0.25	0.25	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
12	HUYỆN ĐẠI LỘC	6	24.21	2.34	0.90	1.44	-	-
*	Vốn ngân sách	4	22.62	0.75	0.75	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	2	1.59	1.59	0.15	1.44	-	-
13	THÀNH PHỐ TAM KỲ	6	85.56	2.65	2.50	0.15	-	-
*	Vốn ngân sách	4	6.30	1.31	1.16	0.15	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	2	3.24	1.34	1.34	-	-	-
14	HUYỆN NAM TRÀ MY	5	76.02	6.49	3.83	0.95	1.71	-
*	Vốn ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
*	Vốn ngoài ngân sách	5	76.02	6.49	3.83	0.95	1.71	-

(Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân dân tỉnh:

1.1. Triển khai thực hiện việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với các danh mục dự án tại Điều 1 theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

1.2. Đối với danh mục chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, sử dụng vốn ngân sách và sử dụng vốn ngoài ngân sách cho mục đích **phi nông nghiệp, khai thác quỹ đất, kinh doanh, dịch vụ chưa đảm bảo thông tin về chủ trương đầu tư, nguồn vốn đầu tư, sử dụng diện tích đất chuyên trồng lúa nước lớn, giao UBND tỉnh chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ, xem xét tính khả thi của từng dự án cụ thể, trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét quyết định trước khi triển khai thực hiện.**

1.3. Trường hợp phát sinh yêu cầu sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án quan trọng, cấp bách vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, nhưng chưa có trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019, giao UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh thống nhất từng dự án cụ thể trước khi triển khai thực hiện và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

1.4. Chỉ đạo rà soát các công trình, dự án thuộc đối tượng thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, đảm bảo nguyên tắc không sử dụng đất trồng lúa, đất dọc hai bên đường Quốc lộ, **ĐT, ĐH để** khai thác quỹ đất; kịp thời chấn chỉnh, xử lý **các** vi phạm liên quan đến thủ tục đất đai, tạm dừng triển khai thi công **những** dự án khi chưa đảm bảo các thủ tục về đất đai; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, kiểm soát, triển khai dự án khi chưa đảm bảo các thủ tục về đất đai theo quy định.

1.5. Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình bổ sung danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chịu trách nhiệm kiểm tra không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất và khu vực sử dụng đất theo chức năng trong quy hoạch sử dụng đất của địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày tháng năm 2019./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Q.Nam;
- Báo Q.Nam, Đài PT-TH Q.Nam;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, CV;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Phan Việt Cường